

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC HÌNH	iv
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở	1
3.1. Công suất hoạt động	1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	2
4.1. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu	2
4.2. Danh mục máy móc, thiết bị.....	3
5. Các thông tin liên quan khác đến cơ sở (nếu có):	4
5.1. Vị trí địa lý.....	4
5.2. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua..	5
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	7
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	7
CHƯƠNG III. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	8
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	8
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	8
1.2. Thu gom, thoát nước thải	8
1.2.1. Thu gom và thoát nước nhiễm dầu	8
1.3.2. Thu gom và thoát nước thải sinh hoạt	9

Đơn vị tư vấn: TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG i

Địa chỉ: Lô KK4 (K3-4), KV IV, dự án lấn biển, P.An Hòa, Tp Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: 02973. 863.649

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

1.3. Xử lý nước thải	10
1.3.1. Xử lý nước nhiễm dầu	10
1.3.2. Xử lý nước thải sinh hoạt	12
1.4. Quan trắc tự động, liên tục	13
2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	13
2.2.1. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động kinh doanh	13
2.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng	14
3. Công trình, biện pháp lưu giữ xử lý chất thải rắn thông thường	15
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	17
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	17
6.1. Phòng chống cháy nổ.....	17
6.2. Phòng chống sét.....	18
6.3. Phòng ngừa sự cố an toàn lao động.....	18
6.4. Phòng ngừa rủi ro do vỡ bể chứa, téc chứa, rò rỉ xăng dầu.....	19
6.5. Sự cố đổ vỡ hệ thống đường ống nhập, xuất nhập	19
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	21
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	21
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn	22
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	25
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	25
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	25
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	26
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	27

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	27
2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	27
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	29
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	30

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nguyên nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở	3
Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	3
Bảng 1.3. Tọa độ các điểm	5
Bảng 1.4. Quy hoạch sử dụng đất.....	5
Bảng 3.1. Hệ số chảy tràn một số đặc điểm bề mặt	9
Bảng 3.2. Thông số chi tiết bề tự hoại.....	12
Bảng 3.3. Tải lượng các chất ô nhiễm khí từ khí thải máy phát điện dự phòng	15
Bảng 3.4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng	15
Bảng 3.5. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh	16
Bảng 5.1. Thông số nước thải và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	21
Bảng 5.2. Các chỉ tiêu đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	22
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở.....	25
Bảng 6.2. Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải	25
Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải	26
Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	26
Bảng 6.5. Chi phí thực hiện giám sát môi trường không khí xung quanh	28
Bảng 6.6. Chi phí thực hiện giám sát môi trường nước	28
Bảng 6.7. Tổng chi phí giám sát môi trường/năm.....	28

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí khu đất của cơ sở.....	4
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cửa hàng	8
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại cửa hàng	10
Hình 3.3. Cấu tạo bể tách dầu tại cửa hàng	11
Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại của cơ sở.....	13

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh học (Biochemical Oxygen Demand)
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học (Chemical Oxygen Demand)
CTNH	Chất thải nguy hại
CP	Chính phủ
NĐ	Nghị định
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Địa chỉ văn phòng: Số 190 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá - tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Công ty Cổ phần thương mại Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Phạm Văn Hoàng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

+ Ông Nguyễn Thanh Tung

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Điện thoại: 02973.862.113

Fax: 02973.866.080

E-mail: ktc@ktcvn.com.vn

2. Tên cơ sở

CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Địa điểm thực hiện: Số 58, đường Trần Quý Cáp, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Quy mô: Cơ sở thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường và thuộc danh mục đầu tư công nhóm C dưới 45 tỷ đồng theo điểm C khoản 5 Điều 8 Luật đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động

Cửa hàng xăng dầu số 15 (sau đây gọi tắt là cơ sở hay cửa hàng) có 4 trụ bơm điện tử (gồm 2 trụ dầu DO và 2 trụ xăng A95) được lắp đặt hệ thống tiếp đất chống tĩnh điện theo thiết kế, trực tiếp cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu) cho khách hàng. Công suất tiêu thụ dao động từ 120.000 – 140.000 lít/tháng, chủ yếu là xăng A95, cung cấp cho các phương tiện lưu thông trong khu vực.

Hệ thống khu vực bồn chứa xăng, dầu: gồm 02 bể chứa xăng, dầu bằng thép (đặt âm) có tổng sức chứa là 32m³, mỗi bể được chia làm 02 ngăn chứa xăng, dầu lắp đặt 04 ống thông hơi xăng dầu, các ống thông hơi có lắp van thở và đặt cao hơn mặt đất 3,2m.

Ngoài ra, cơ sở còn bố trí các thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan quản lý an toàn PCCC.

Thời gian hoạt động của cơ sở từ 5h30 đến 21h00 hàng ngày.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở

Hoạt động kinh doanh tại cơ sở chủ yếu là hoạt động lưu trữ và buôn bán lẻ các loại nhiên liệu (xăng A95, dầu DO), nhớt.

Hoạt động kinh doanh tại cửa hàng thể hiện như sau:

Xe vận chuyển nhiên liệu (xăng, dầu) → Bồn chứa cửa hàng kinh doanh → Bơm định lượng → Khách hàng

Thuyết minh hoạt động kinh doanh tại cửa hàng:

Nhiên liệu (xăng, dầu) được vận chuyển về cơ sở chủ yếu bằng đường bộ thông qua xe vận chuyển xăng dầu chuyên dụng (*vận chuyển từ kho chứa xăng dầu của Công ty Cổ phần thương mại Kiên Giang*) số lượng nhập nhiên liệu phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng khách hàng (trung bình 5 – 7 ngày/lần), tùy theo điều kiện thực tế, tương đương 15.000 - 20.000 lít/lần.

Nhiên liệu (xăng, dầu) về đến cơ sở được trữ tại 2 bồn chứa ngầm. Tổng dung tích bồn chứa: 32m³, trong đó xăng 16m³, dầu 16m³.

Hệ thống bồn chứa ngầm là hệ thống trữ kín. Đạn nắp bồn bằng gang đúc sẵn kích thước 1.300x1.300x20mm, lớp vữa lót mác 75 dày 200mm, lớp đáy bồn BTCT đá 4x6 M100 dày 100mm, lớp BT đá 4x6 M100 dày 100mm, lớp cát tôn nền đầm kỹ K=0,95, đất tự nhiên san phẳng, đầm kỹ K=0,95. Thành bồn xung quanh đổ bê tông đá 1x2 đổ thành nắp bồn B15.

Đường ống nhập nhiên liệu sử dụng ống thép đặt ngầm, xung quanh ống được chèn chặt bằng cát, sơn chống rỉ sét, Φ90 x 3,2mm. Ống thoát hơi cao hơn thành bồn 4m. Bồn chứa được kết nối với hệ thống chống tĩnh điện, cột thu sét cao 13,5m, làm bằng sắt tráng kẽm. Các hệ thống được định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng 03 tháng/lần.

Khu vực các cột bơm xăng được lắp đặt trên đảo bơm rộng 1,2m, dài 4,7m, cao hơn mặt bằng đỗ xe 0,2m, đầu đảo bơm cách mép cột đỡ che mái bán hàng > 0,5m, lắp đặt điện trở tiếp đất các cột bơm < 2Ω.

Nhiên liệu đưa vào bồn chứa bằng phương pháp nhập kín, được lưu trữ và sẵn sàng phục vụ khách hàng bằng bơm định lượng kết nối với bồn chứa.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu

Nguyên nhiên liệu cung cấp cho hoạt động tại cơ sở chủ yếu là nhiên liệu cho hoạt động của máy móc thiết bị của cơ sở và điện nước phục vụ cho sinh hoạt của nhân viên.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

Bảng 1.1. Nguyên nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở

TT	Nguyên nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Xăng	Lít/tháng	50
2	Dầu DO (chủ yếu dùng cho máy phát điện)	Lít/tháng	25
3	Điện	kW/tháng	1.000
4	Nước	m ³ /tháng	20

a. Nhu cầu sử dụng công nhân

Tổng nhu cầu về lao động cho quá trình hoạt động của cơ sở là 3 lao động (gồm 1 cửa hàng trưởng và 2 nhân viên). Làm việc 8 giờ/ca, và hưởng các chế độ theo Luật lao động của Việt Nam.

b. Nhu cầu sử dụng điện

Cơ sở chủ yếu sử dụng điện 1 pha cho quá trình hoạt động của cơ sở và phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở trung bình 1.000Kwh/tháng.

Nguồn điện sử dụng được lấy từ điện lưới quốc gia.

c. Nhu cầu sử dụng nước

Nước sử dụng được sử dụng từ nguồn nước thủy cục của địa phương cho mục đích sinh hoạt của các nhân viên trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh; bình quân 15m³/tháng.

4.2. Danh mục máy móc, thiết bị

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, Công ty đã đầu tư các máy móc thiết bị như sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

TT	Loại máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số	Tình trạng mới
1	Trụ bơm	Trụ	04	0,5 HP	100%
2	Bể chứa xăng dầu	Bồn	02	16m ³	100%
3	Bình chữa cháy MFZ35	Bình	02	35 kg	100%
4	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	05	8 kg	100%
5	Bình chữa cháy MFZ4	Bình	01	4 kg	100%
6	Bình chữa cháy MT3 (dạng CO ₂)	Bình	01	3 kg	100%
7	Cột thu sét	Cột	01	R= 50m	100%
8	Phuy cát chữa cháy	Cái	02	01 m ³	100%
9	Camera giám sát	Cái	02	-	100%

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

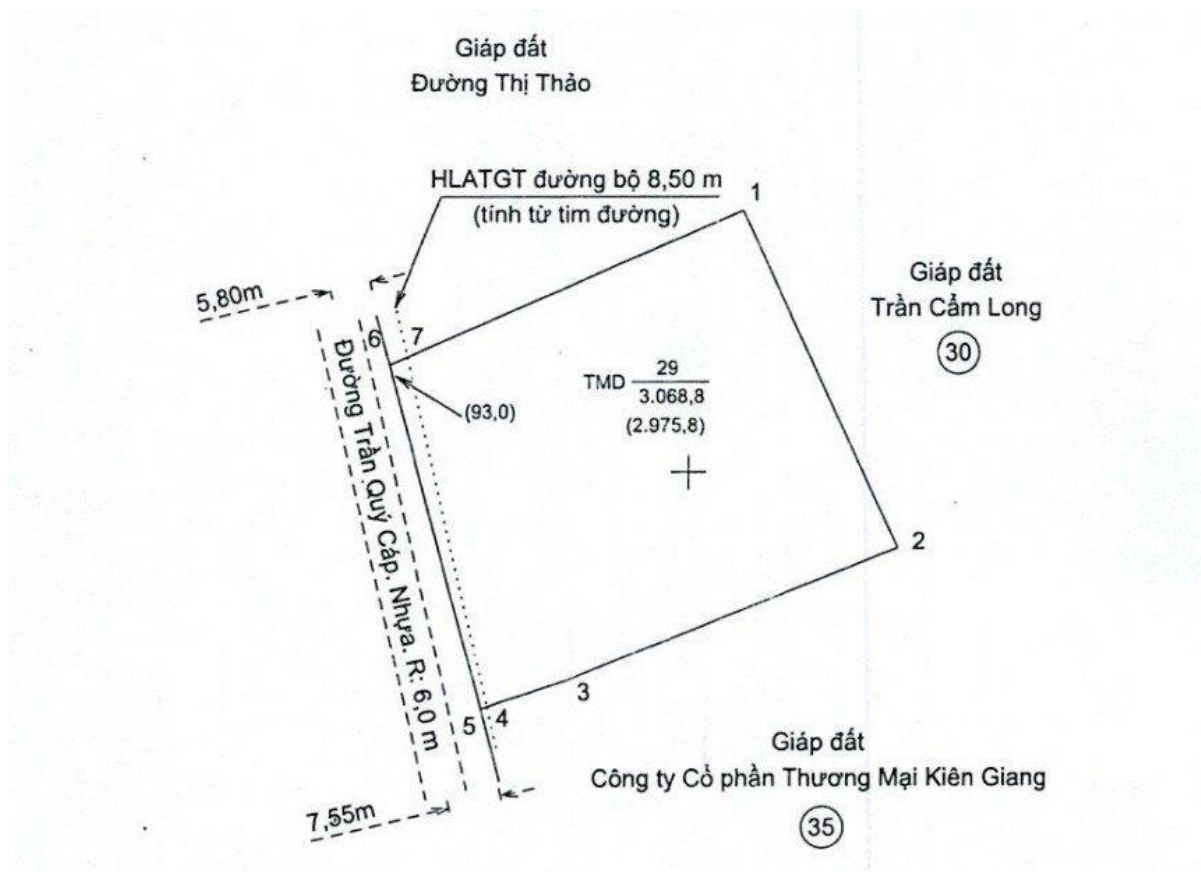
TT	Loại máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số	Tình trạng mới
10	Thiết bị báo cháy	Cái	01	-	100%
11	Máy phát điện	Cái	01	10,3 Kw	100%

5. Các thông tin liên quan khác đến cơ sở (nếu có):

5.1. Vị trí địa lý

Cửa hàng xăng dầu số 15 tọa lạc tại số 58 đường Trần Quý Cáp, P. An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Khu vực cửa hàng có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp: đất Công ty Cổ phần thương mại Kiên Giang;
- + Phía Tây giáp: đất hộ dân Đường Thị Thảo;
- + Phía Nam giáp: đường Trần Quý Cáp;
- + Phía Bắc giáp: đất hộ dân Trần Cẩm Long.



Hình 1.1. Vị trí khu đất của cơ sở

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

Bảng 1.3. Tọa độ các điểm

Điểm	Tọa độ	
	X	Y
1	1103236,87	566607,9
2	1103189,09	566629,65
3	1103170,19	566582,66
4	1103166,56	566571,26
5	1103166,27	566570,35
6	1103215,20	566557,29
7	1103216,28	566559,82

Tổng diện tích khu đất của cơ sở: 3.068,8m²

Khu đất được quy hoạch sử dụng với các hạng mục như sau:

Bảng 1.4. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m²)
1	Khu vực bán hàng	117,9
2	Bể chứa xăng dầu (xây ngầm)	31,96
3	Nhà vệ sinh	14
4	Giao thông – sân bãi	1.206
5	Cây xanh	949,79
6	Đất trống	749,15
Tổng diện tích		3.068,8

5.2. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua

Trong thời gian qua cơ sở đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong công tác xây dựng và giữ gìn vệ sinh môi trường. Những biện pháp bảo vệ môi trường được áp dụng tại cơ sở:

+ Đối với môi trường không khí: Cơ sở đã chủ động láng vữa xi măng khu vực đất trống, thường xuyên phun nước để giảm nồng độ bụi.

+ Đối với nước thải sinh hoạt của nhân viên, cơ sở đã bố trí bể tự hoại 3 ngăn để thu gom xử lý lượng nước thải sinh hoạt này.

+ Đối với nước nhiễm dầu phát sinh, chủ cơ sở tiến hành xử lý triệt để trước khi thoát vào cống thoát chung của khu vực.

+ Đối với chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng có nắp đậy và được thu gom hằng ngày.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

+ Đối với chất thải nguy hại: Thu gom vào kho chứa CTNH, bố trí các thùng chứa CTNH có nắp đậy, được nhán dẫn và thu gom định kỳ theo quy định.

+ Đối với công tác PCCC: Cơ sở luôn thực hiện tốt chủ trương, pháp luật trong việc PCCC, luôn có phương án cứu hộ, cứu nạn, phương án PCCC, ban hành các nội quy, quy định về PCCC.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cửa hàng xăng dầu số 15 tọa lạc tại số 58 đường Trần Quý Cáp, P. An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang do đó phù hợp với quy hoạch về môi trường tại các văn bản pháp lý sau:

+ Phù hợp với Quyết định số 133/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc Ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu;

+ Phù hợp với Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 03 năm 2021 về việc Ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi được xử lý qua bể tự hoại sau đó thoát ra cống thoát nước chung của khu vực.

Nước mưa chảy tràn: được thu gom về hồ ga nội bộ của cửa hàng, trước khi thoát vào cống thoát chung của khu vực bằng các tuyến ống thu gom bố trí xung quanh cửa hàng.

Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải: Toàn bộ nước thải nhiễm dầu của Cửa hàng xăng dầu số 15 được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B), áp dụng đối với cửa hàng xăng dầu không có dịch vụ rửa xe, trước khi thải vào hệ thống cống chung của khu vực;

Chất thải rắn và chất thải nguy hại được tập kết vào các thùng rác theo đúng mã quy định, chứa đựng đủ lượng rác thải phát sinh. Các thùng rác có nắp đậy giảm thiểu mùi hôi phát sinh và các thùng để thuận lợi cho việc vận chuyển.

Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đảm bảo các thùng phân loại dán nhãn, mã số theo quy định. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng tiến hành thu gom và xử lý theo quy định hiện hành.

Nguồn tiếp nhận khí thải: Theo đánh giá, hiện trạng môi trường không khí xung quanh khu vực sức chịu tải còn cao, xung quanh không gần các nhà máy, xí nghiệp nên không khí còn trong lành, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Qua những đánh giá trên cho thấy dự án đầu tư là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận các nguồn chất thải của dự án.

CHƯƠNG III. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

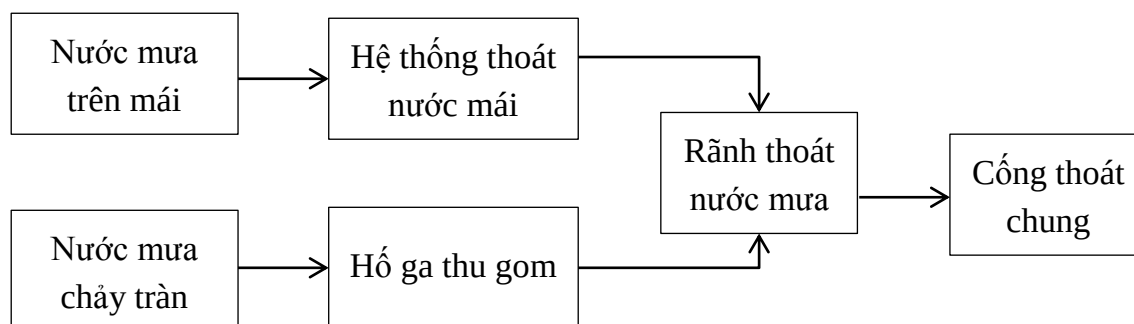
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Phần lớn diện tích của cửa hàng (*khoảng 218m²*) đã được bố trí mái che và có hệ thống thoát nước mưa trên mái, D = 90, chảy trực tiếp xuống rãnh thoát nước mưa rồi thoát ra cống thoát chung của khu vực.

Cửa hàng bố trí hệ thống công thu gom nước mưa dọc theo các hướng mái che, độ dốc $i = 3\%$, không cho nước mưa chảy tràn vào nơi kinh doanh. Bên cạnh đó, mặt bằng cửa hàng được láng xi măng, nước mưa được thu gom triệt để, không cuốn trôi theo các lớp đất cát. Nước mưa được thu gom và thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn của cơ sở:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cửa hàng

Hệ thống thoát nước mái bao gồm các ống PVC D=90, tổng chiều dài 9m, thu gom nước mưa về rãnh thoát nước mưa.

Rãnh thoát nước mưa được bố trí dọc theo chiều dài cửa hàng, tổng chiều dài 146m có nắp đan BTCT, 51m, có nắp đan thép.

Rãnh thoát nước mưa sẽ định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác bám, cặn lắng. Bùn thải được thu gom và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Thu gom và thoát nước nhiễm dầu

Lượng nước nhiễm dầu phát sinh cần phải xử lý do những nguyên nhân sau:

+ Xúc rửa bể chứa: Bể chứa thường được xúc rửa khi đưa bể mới vào chứa xăng dầu; hoặc xúc rửa định kỳ 5 năm/1 lần theo quy định để đảm bảo chất lượng nhiên liệu. Lượng nước nhiễm dầu tùy thuộc vào dung tích từng bể, loại hàng tồn chứa và phương pháp xúc rửa. Nước nhiễm dầu loại này thường có hàm lượng dầu cao và phát sinh bùn

cặn dầu, số lượng không nhiều (chất thải nguy hại). Lượng nước nhiễm dầu này phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh định kỳ 5 năm/lần và được thu gom ngay sau khi thực hiện xúc rửa bể chứa. Lưu lượng ước tính mỗi lần xúc rửa bể chứa là $1,6\text{m}^3/\text{lần}$ (ước tính 5% thể tích bể chứa).

+ Nước vệ sinh lần dầu: phát sinh trong quá trình vệ sinh thiết bị và các phương tiện nhập xuất nguyên liệu; vệ sinh sân bãi tại cơ sở. Lượng nước này tùy thuộc diện tích, lượng chất thải phát sinh. Lưu lượng ước tính khoảng $0,15\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước nhiễm dầu do nước mưa chảy tràn qua các khu vực bị rơi vãi nhiên liệu trong quá trình tiếp nhiên liệu cho các phương tiện.

Lưu lượng cực đại:

$$Q = 0,278 \cdot K \cdot I \cdot A \quad (1)$$

Trong đó :

Q: lưu lượng cực đại ($\text{m}^3/\text{ngày}$),

K: hệ số chảy tràn phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất, chọn $K = 0,9$

I: cường độ mưa ngày lớn nhất trong năm ($\text{m}/\text{ngày}$): $0,4656\text{m}/\text{ngày}$.

A: diện tích (m^2) = 50m^2 (Khu vực có thể phát sinh nước nhiễm dầu)

Bảng 3.1. Hệ số chảy tràn một số đặc điểm bề mặt

Đặc điểm bề mặt	K
Vùng thị tứ	0,70 – 0,95
Vùng dân cư (khu tập thể)	0,50 – 0,70
Vùng nhà riêng lẻ	0,3 – 0,7
Khu công viên nghĩa trang	0,10 – 0,25
Đường có lát nhựa	0,80 – 0,90
Bãi cỏ, nền đất, phụ thuộc vào độ dốc và tầng	0,10 – 0,25

Áp dụng công thức (1), tính được lưu lượng nước nhiễm dầu cực đại có thể phát sinh tại cửa hàng:

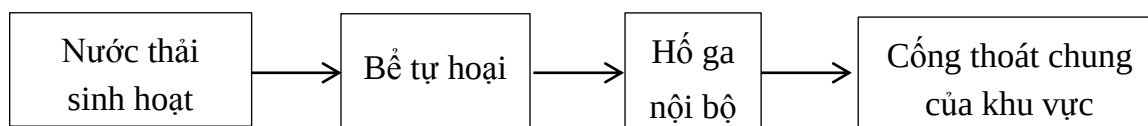
$$= 0,278 \cdot 0,9 \cdot 0,4656 \cdot 50 = 5,82\text{m}^3/\text{ngày}.$$

1.3.2. Thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh trong hoạt động của cửa hàng chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhân viên làm việc tại cửa hàng. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), chất hữu cơ (BOD_5), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi khuẩn.

Lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh khoảng $0,45\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (lưu lượng nước thải tính bằng 100% lưu lượng nước cấp theo điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP).

Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại cửa hàng

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước nhiễm dầu

a. Xử lý nước nhiễm dầu từ quá trình xúc rửa bồn chứa

Nước thải nhiễm dầu từ quá trình xúc rửa bồn chứa của cửa hàng phát sinh định kỳ 5 năm/lần với lưu lượng ước tính $1,6\text{m}^3/\text{lần}$ sẽ được dẫn về xử lý bằng hệ thống bể tách dầu của cửa hàng. Phần bùn cặn phát sinh trong quá trình xúc rửa được thu gom vào phuy chứa, lưu vào kho CTNH và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Ngoài ra, cửa hàng còn áp dụng thêm các biện pháp sau nhằm giảm thiểu phát sinh nước thải nhiễm dầu từ quá trình xúc rửa bồn chứa:

Các biện pháp được áp dụng tại cơ sở :

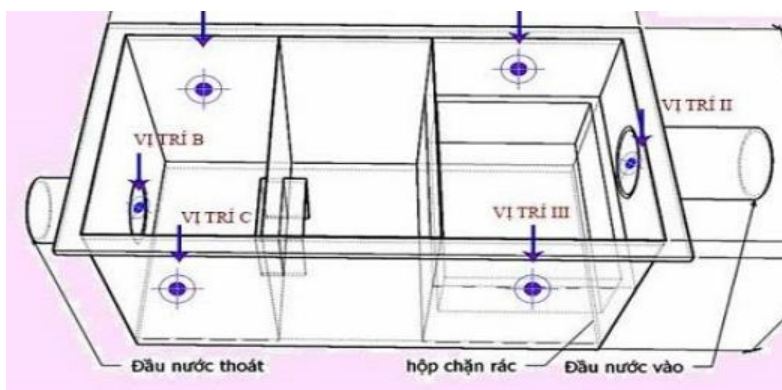
- + Hạn chế thay đổi chủng loại hàng chứa trong bể ;
- + Cải tiến phương pháp vệ sinh bể, sử dụng hóa chất an toàn để xúc rửa bể phù hợp với loại hàng tồn chứa trong bể, hạn chế lượng nước cần sử dụng ;
- + Cải tiến các phương án nhập hàng nhằm hạn chế rò rỉ ;
- + Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các van chặn ;
- + Sử dụng phương tiện súc rửa bể không phát sinh nước thải: tuần hoàn nước súc rửa và lắng tách dầu cặn, thu hồi dầu.

b. Xử lý nước nhiễm dầu từ việc vệ sinh và nước mưa chảy tràn

Chủ cơ sở sẽ thực hiện bố trí bể tách dầu trước khi thoát vào cống thoát chung của khu vực. Kích thước bể tách dầu L x R x C: $1,5\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ được thiết kế 3 ngăn, dòng chảy được bố trí theo hình zigzag.

- + Ngăn thứ 1: $0,5\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$.
- + Ngăn thứ 2: $0,5\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$.
- + Ngăn thứ 3: $0,5\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$.

Mô hình bể tách dầu được thiết kế như sau:



Hình 3.3. Cấu tạo bể tách dầu tại cửa hàng

Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu

Trong quá trình hoạt động, nước nhiễm dầu do nhiên liệu rơi vãi xuống nền vào thời điểm mùa mưa sẽ cuốn theo nước mưa thoát vào cống thoát chung của khu vực. Vì vậy, việc thu gom lại váng dầu mỡ khoáng giảm thiểu ảnh hưởng đến nguồn nước mặt nhằm đảm bảo không gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường.

Nguyên lý hoạt động chủ yếu dựa vào sự chênh lệch trọng lượng giữa dầu và nước. Thiết kế thông minh như trên có thể tách được sđầu, các chất rắn, chất thải được giữ lại trong thiết bị. Nước mưa chảy tràn không nhiễm dầu mỡ khoáng được thoát ra cống thoát chung của khu vực. Quá trình tách dầu của bể tách dầu ba ngăn được thực hiện qua các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Lọc rác và một phần váng dầu theo tỷ trọng

Lượng rác sẽ được loại bỏ gần như hoàn toàn nhằm giảm, tránh hiện tượng tắc nghẽn đường ống và điều hòa tốc độ dòng chảy trong bể.

Giai đoạn 2: Tách bầy dầu

Sau đó, quá trình tách dầu sẽ được thực hiện trong ngăn tách dầu. Tại đây, được thiết kế một vách ngăn nhằm hướng dòng chảy để tách dầu và nước ra khỏi nhau thành 2 phần riêng biệt.

Giai đoạn 3: Thu gom váng dầu

Để đảm bảo bể hoạt động hiệu quả và liên tục, chủ cửa hàng sẽ thực hiện thu gom phần váng dầu định kỳ 01 tháng/lần; thời điểm mùa mưa lưu lượng nước thải phát sinh liên tục sẽ thực hiện định kỳ hằng ngày. Phần váng dầu thu được sẽ cho vào can chứa và lưu vào kho chứa chất thải nguy hại của cửa hàng, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đưa đi xử lý theo quy định.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

1.3.2. Xử lý nước thải sinh hoạt

Phương pháp được sử dụng để xử lý là bể tự hoại. Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, nước thải theo các đường ống thu gom đổ về bể tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn, sau đó nước thải đi qua các ngăn lắng và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Hiệu suất của bể giảm khoảng 60% hàm lượng BOD so với đầu vào.

Ưu điểm của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.

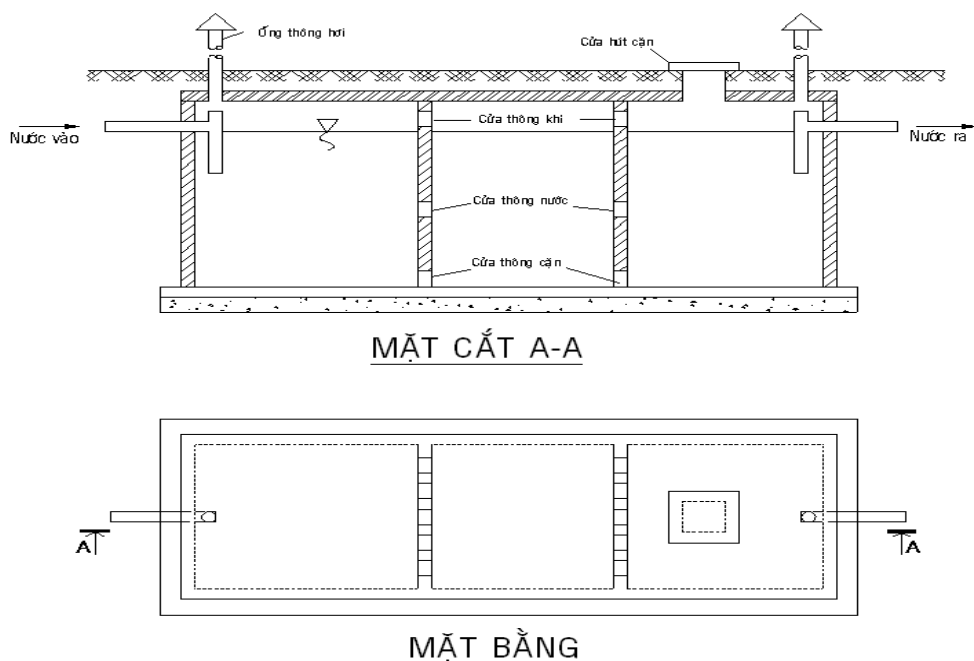
Thực tế nước thải sinh hoạt tại cơ sở phát sinh khoảng 450L/ngày.đêm và bể tự hoại của cơ sở được thiết kế với lưu lượng là 1m³/ngày.đêm với các thông số chi tiết của bể tự hoại như sau:

Bảng 3.2. Thông số chi tiết bể tự hoại

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả	Ghi chú
1	Lưu lượng, Q _{sh}	m ³	1	$V_{\text{nước}} = Q_{\text{sh}} * K = 2\text{m}^3$
2	Hệ số lưu lượng, K	-	2	
3	Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, m	người/ngày	0,45	$V_{\text{bùn}} = \frac{m * N * t * (100 - P_1) * K_p * K_g * (100 - P_2)}{100.000}$ Với N = 3 (người), ta có: $V_{\text{bùn}} = 0,0924\text{m}^3$
4	Thời gian tích lũy cặn lắng, t	ngày	180	
5	Hệ số cặn phân giải đến 30%, K _p	-	0,7	
6	Hệ số cặn giữ lại đến 20%, K _g	-	1,2	
7	Độ ẩm trung bình cặn tươi, P ₁	%	95	
8	Độ ẩm trung bình cặn trong bể, P ₂	%	90	
$V_{\text{bể}} = V_{\text{nước}} + V_{\text{bùn}} = 2 + 0,0924 = 2,0924\text{m}^3$				

Bể tự hoại của cơ sở được xây dựng với tổng thể tích 3,825m³, được bố cặp bên kho chứa CTNH của cửa hàng, kích thước bể tự hoại: LxDxH = 1,5 x 1,7 x 1,5(m)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”



Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại của cơ sở

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại sẽ được chảy về hố ga nội bộ của cửa hàng trước khi thoát ra cống chung của khu vực.

➤ **Các điểm cần lưu ý khi vận hành bể tự hoại:**

Cần thoát các khí sinh ra (H_2S , CO_2 , CH_4) tránh ăn mòn.

Hạn chế tối thiểu tiếp xúc hoá chất (chất tẩy rửa, chlorine,...) với bể tự hoại.

Khi bể tự hoại đã đầy chất lắng đọng thì phải hút loại bỏ, theo thể tích bể tự hoại như trên thì định kỳ hút cặn 6 tháng/lần.

1.4. Quan trắc tự động, liên tục

Cửa hàng không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải nên đơn vị tư vấn không nêu trong báo cáo này.

2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải của cửa hàng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sau:

- + Từ hoạt động kinh doanh;
- + Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2.2.1. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động kinh doanh

Các biện pháp giảm thiểu đối với khí thải:

+ Bồn chứa nhiên liệu được âm đất, có nắp đậy an toàn và ống thông hơi nên khí thải trong quá trình hoạt động kinh doanh của cửa hàng là không đáng kể.

+ Khí thải chỉ phát sinh do hoạt động của các phương tiện đến tiếp nhiên liệu nhưng không tập trung cùng một thời điểm. Do mặt bằng cơ sở thông thoáng, khách

hàng tất máy khi tiếp nhiên liệu nên nồng độ khí thải khi phát sinh từ các phương tiện giao thông sẽ không tích tụ tại khu vực. Mặt khác, trong quá trình tiếp nhiên liệu sẽ phát sinh khí thải hợp chất bay hơi nhưng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.

+ Mùi hợp chất hữu cơ bay hơi sinh ra trong mỗi đợt nhập, dự trữ nhiên liệu ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân gây ra các bệnh về mắt, mũi, họng, hô hấp, tiêu hóa và các bệnh ngoài da, tính chất không thường xuyên.

Về cơ bản, khí thải phát sinh với mức thấp từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng. Để hạn chế lượng khí thải có thể gây ảnh hưởng đến môi trường, Cơ sở đã áp dụng những biện pháp sau:

+ Nhân viên làm việc trực tiếp tại cửa hàng được trang bị đồ bảo hộ lao động, khẩu trang bịt mũi, bịt miệng, bịt tay khi làm việc.

+ Hiện đại hóa dây chuyền xuất và đo tính xăng dầu, sử dụng họng bơm xăng đúng tiêu chuẩn;

+ Hệ thống nhập có cổ gài kín với ống xả của xe bồn, hệ thống xuất từ bể đến mỗi cột bơm đều có van chân nhằm hạn chế quá trình bay hơi, giảm thiểu ô nhiễm không khí;

+ Ống thông hơi của bể chứa được thiết kế đúng quy định của ngành xăng dầu, các ống này hướng về vách tường ra sau văn phòng và được đưa lên cao, sử dụng họng bơm xăng đúng tiêu chuẩn;

+ Duy trì áp suất làm việc tối đa của bể chứa nhằm hạn chế xăng dầu bay hơi trong quá trình nhập, xuất xăng dầu;

+ Toàn bộ khuôn viên cửa hàng thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

Ngoài ra, chủ cửa hàng sẽ phun nước thường xuyên khu vực kinh doanh vào những ngày nắng nóng, đảm bảo độ ẩm hợp lý, không gây bụi.

2.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng

Chủ cơ sở có đầu tư máy phát điện dự phòng với công suất 10,3KVA nhằm cung cấp điện cho hoạt động của cửa hàng khi điện lưới quốc gia gặp sự cố. Do đó, trong quá trình hoạt động có thể phát sinh khí thải từ hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng.

Nhiên liệu dầu DO được sử dụng cho máy phát điện dự phòng; nếu máy phát điện hoạt động liên tục, lượng nhiên liệu sử dụng khoảng 4,5 lít/giờ, tương đương 4,05 kg/giờ (tỷ trọng của dầu DO khoảng 0,9 kg/lít). Khí thải sinh ra từ quá trình đốt nhiên liệu của máy phát điện bao gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

Bảng 3.3. Tải lượng các chất ô nhiễm khí từ khí thải máy phát điện dự phòng

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg chất ô nhiễm/tấn dầu)
1	Bụi	0,71
2	SO ₂	20xS
3	NO _x	9,62
4	CO	2,19

(Nguồn: *Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, WHO 1993*)

Ghi chú: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là 0,05%.

Đối với các thiết bị sử dụng dầu DO làm nguyên liệu đốt, nếu khi đốt lượng không khí dư là 25% thì lượng khí thải sinh ra khi đốt cháy 1kg dầu DO là 22 - 25m³ (theo Viện kỹ thuật nhiệt đới và bảo vệ môi trường Tp HCM). Như vậy, tổng lưu lượng khí thải của máy phát điện khi hoạt động sẽ là 89,1 – 101,25m³/h hay 0,02475 – 0,028125m³/s.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng được trình bày trong bảng 3.4.

Bảng 3.4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) (mg/Nm ³)
1	Bụi	0,00079875	28,4 – 32,27	200
2	SO ₂	0,01125	400 – 454,55	500
3	NO _x	0,0108225	384,8 – 437,27	1.000
4	CO	0,00246375	87,6 – 99,55	1.000

Nhận xét:

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng với quy chuẩn 19:2009/BTNMT cột B, cho thấy tất cả các chỉ tiêu bụi, SO₂, NO₂, CO đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Mặt khác, máy phát điện chỉ được sử dụng vào những lúc mất điện (nguồn thải không liên tục) nên tác động từ máy phát điện đến không khí xung quanh là không đáng kể.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là rác sinh hoạt của nhân viên. Tổng khối lượng trung bình 1,5kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ đơn giản, dễ phân hủy sinh học với những sản phẩm đặc trưng từ nhóm khí gây mùi. Mặc dù có khối lượng thấp nhưng nhóm chất thải này vẫn có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường không khí nếu không được bảo quản và thu gom xử lý kịp thời.

Do đó, cơ sở đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của nguồn ô

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

nhiệm này, cụ thể:

+ Trang bị 1 thùng 60 lít có nắp đậy: đựng các loại rác vô cơ khô (bao bì nylon, giấy, nhựa plastic...). Ngoài ra, trong thời gian tới, chủ dự án sẽ tiến hành bố trí thêm 2 thùng rác loại 60 lít có nắp đậy và dán nhãn nhằm thực hiện việc phân loại rác tại nguồn theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hợp đồng với đội thu gom rác của thành phố để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định, thực hiện định kỳ hàng ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) phát sinh tại Cửa hàng xăng dầu số 15 được thống kê như sau:

Bảng 3.5. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	1
2	Pin/ắc quy thải	Rắn	16 01 12	2
3	Dầu nhớt bôi trơn thải	Lỏng	17 02 04	30L
4	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	3
5	Xăng dầu thải các loại và những chất thải nhiễm dầu	Rắn/Lỏng	17 06 02	50L

Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH được áp dụng:

- + Bố trí kho lưu trữ chất thải nguy hại tại cơ sở
- + Được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại.
- + Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường.
- + Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường.
- + Chỉ được lưu giữ trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.

Chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh hằng năm không nhiều, được thu gom vào thùng nhựa lưu trữ riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại đã được phân loại tại nơi có mái che, có thể tái sử dụng vào mục đích khác nhưng không làm thay đổi tính chất.

Định kỳ hàng năm thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và tiêu hủy để xử lý các chất thải nguy hại này theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án

vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo định kỳ hằng năm về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cơ sở phát sinh với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo môi trường định kỳ.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Khả năng ảnh hưởng bởi độ rung từ hoạt động của 04 trụ bơm của cửa hàng hầu như không đáng kể do các trụ được đổ cố định trên đảo bơm.

Đối với chỉ tiêu tiếng ồn: chủ yếu sinh ra từ các phương tiện lưu thông qua lại trên tuyến đường Trần Quý Cáp. Thực tế hoạt động tại cửa hàng có phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các motor trụ bơm, nguồn này gây ra độ ồn khá thấp và không vượt chuẩn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT.

Ngoài ra, tiếng ồn còn có thể phát sinh từ máy phát điện dự phòng nhưng không đáng kể do máy hoạt động không thường xuyên.

Cửa hàng có 04 trụ bơm xăng dầu với công suất motor mỗi trụ chỉ có 70L/ph, các trụ bơm trên sau khi được lắp đặt đã được nhà sản xuất tính toán đến việc giảm độ rung và tiếng ồn đến mức thấp nhất. Bên cạnh đó, các trụ bơm được gia cố trên đảo bơm chắc chắn nên độ rung và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các trụ bơm là rất nhỏ.

Độ rung và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động trao đổi kinh doanh của cơ sở với khách hàng và các phương tiện cơ giới lưu thông qua cửa hàng. Tuy nhiên, đối với các phương tiện này, độ rung và tiếng ồn không ảnh hưởng nhiều đến cửa hàng và phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng chống cháy nổ

Công tác phòng chống cháy nổ đối với cơ sở là rất cần thiết vì nguy cơ cháy và phát nổ từ những hoạt động kinh doanh xăng dầu là rất cao. Các biện pháp có thể áp dụng bao gồm:

- + Không bố trí các vật liệu dễ cháy gần các bồn chứa.
- + Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy cần được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.
- + Tổ chức ý thức phòng cháy, chống cháy tốt cho toàn thể cán bộ, công nhân thông qua các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy (PCCC).
- + Tham gia định kỳ thao diễn cứu hỏa với sự cộng tác chặt chẽ của cơ quan PCCC chuyên nghiệp.

+ Tuân thủ đúng theo các hướng dẫn về PCCC đã ban hành và kiểm tra định kỳ theo quy định PCCC.

+ Phải đặt các biển báo cấm lửa tại kho chứa và khu vực kinh doanh xăng dầu.

+ Vị trí xây dựng thuận tiện cho việc bố trí xe ra, vào phù hợp với yêu cầu quy hoạch của khu vực; đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn PCCC.

+ Khoảng cách an toàn từ cột bơm và cụm bể chứa của cửa hàng tới các công trình ngoài khu vực cửa hàng không nhỏ hơn quy định.

+ Cột bơm xăng dầu tiếp giáp với công trình xây dựng khác phải có tường bao quanh bằng vật liệu không cháy, chiều cao không nhỏ hơn 2,2m.

+ Đảo bơm nên có mái che, độ cao hữu dụng của mái che không nhỏ hơn 4,2m, đảo bơm phải cao hơn mặt bằng bãi đỗ xe ít nhất 0,2m. Chiều rộng đảo bơm không dưới 1m và đầu đảo bơm phải cách mép cột đỡ mái, cột bơm ít nhất 0,5m.

+ Kết cấu vật liệu xây dựng của cửa hàng phải có bậc chịu lửa I, II.

+ Hệ thống điện: nguồn điện lấy từ nguồn điện quốc gia. Khi không có điện quốc gia được phép sử dụng máy phát cỡ nhỏ nhưng ống khói của máy nổ phải có bộ dập tàn lửa và bọc cách nhiệt. Nơi nguy hiểm cháy nổ: dùng thiết bị phòng nổ. Dây dẫn và cáp điện sử dụng loại ruột đồng, cách điện bằng nhựa tổng hợp.

+ Không sử dụng điện thoại di động khi mua bán xăng dầu. Không đóng mở cửa xe ô tô khi đang bơm rót. Không cho trẻ em ra khỏi xe hay đến gần khu vực bơm rót. Không hút thuốc hay sử dụng lửa trần. Tắt động cơ phương tiện giao thông khi bơm rót.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và phòng ngừa sự cố cho nhân viên, bảo đảm thành thạo quy trình xuất nhập dầu, phòng chống sự cố.

Ngoài ra, cửa hàng đã thực hiện việc xây dựng các phương án, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở, lập hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

6.2. Phòng chống sét

Để ngăn ngừa sét đánh gây thiệt hại cho người và tài sản, cơ sở đã lắp đặt hệ thống chống sét, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của nhà nước.

Ngoài ra, định kỳ 6 tháng/lần, cơ sở sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng tiến hành kiểm tra cột chống sét tại cửa hàng.

6.3. Phòng ngừa sự cố an toàn lao động

Công nhân được trang bị khẩu trang và kính bảo hộ để ngăn ngừa các ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe con người như các bệnh về mắt, mũi, họng, hô hấp, tiêu hóa và các bệnh ngoài da.

Công nhân được kiểm tra sức khỏe định kỳ, đảm bảo sức khỏe tốt.

Phân công lao động hợp lý, phù hợp với người với từng công việc cụ thể.

Cẩn thận trong quá trình gia công ở trên cao, sử dụng các thiết bị điện và vận hành máy móc.

Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị và kiểm tra độ an toàn của chúng trước khi vận hành.

Thao tác vận hành cẩn thận, sử dụng dụng cụ an toàn lao động trong các công đoạn như lên xuống nguyên liệu.

6.4. Phòng ngừa rủi ro do vỡ bể chứa, téc chứa, rò rỉ xăng dầu

Các bồn chứa tuân thủ theo đúng TCVN về kho chứa sản phẩm dầu mỏ, đồng thời tuân thủ theo các nguyên tắc:

- + Vật liệu đúng quy cách và yêu cầu kỹ thuật, tính toán thiết kế phù hợp với mỗi loại hàng hóa dự kiến lưu trữ, vật liệu phải chịu được độ mài mòn cao và không bị ăn mòn bởi loại nhiên liệu sử dụng;

- + Tất cả các bồn chứa nhiên liệu đều có hệ thống báo tràn tự động, các thiết bị này phải đảm bảo độ chính xác cao và luôn ở tình trạng sẵn sàng làm việc;

- + Thường xuyên kiểm tra các hoạt động an toàn của các van thở;

- + Trước khi đưa vào sử dụng phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan tổ chức kiểm tra độ an toàn của tất cả các loại bồn chứa. Và chỉ đưa thiết bị vào sử dụng khi đã được chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

- + Trong suốt thời gian sử dụng, tiến hành kiểm tra an toàn định kỳ ít nhất 2 lần/năm. Nếu phát hiện thấy không đảm bảo an toàn thì nhanh chóng tiến hành sửa chữa hoặc thay thế dưới sự giám sát kỹ thuật của các cơ quan chuyên môn. Trước khi đưa vào sử dụng lại sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết như lúc đầu.

*** Xử lý sự cố đổ vỡ bồn chứa xăng dầu:**

Toàn bộ khu vực nền bên trong cửa hàng phải được đổ đầy bằng bê tông và trải nhựa để tránh sự thấm nhiên liệu vào đất khi xảy ra sự cố.

Khi sự cố xảy ra, tiến hành ngay các biện pháp thu gom nhiên liệu đổ trong khu vực cửa hàng để bảo vệ để tránh sự bay hơi của nhiên liệu. Lượng nhiên liệu thu hồi này sẽ được tách loại các tạp chất và sử dụng lại.

6.5. Sự cố đổ vỡ hệ thống đường ống nhập, xuất nhập

*** Biện pháp phòng ngừa**

Thiết kế và thi công lắp đặt hệ thống đường ống đúng theo tiêu chuẩn dành riêng cho vận chuyển xăng dầu; đảm bảo hành lang vận hành hệ thống đường ống nhập xuất;

Trước khi đưa vào hoạt động, tất cả hệ thống ống dẫn sẽ được kiểm tra thử độ thông thoáng và thử áp lực bằng nước.

Xây dựng chi tiết các bảng nội quy và quy tắc an toàn lao động đối với khu vực xuất nhập xăng dầu;

Lập chế độ kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khoá trên hệ thống đường ống, đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, đồng thời kịp thời phát hiện sự cố và xử lý ngay.

*** Xử lý sự cố**

Sự cố vỡ hệ thống đường ống nhập xuất xăng dầu được xử lý bằng cách thiết kế lắp đặt hệ thống dẫn kỹ thuật xây ngầm. Tất cả các tuyến dẫn kỹ thuật này đều được thiết kế với một độ dốc nhất định về phía bể thu gom xăng dầu tập trung có nắp đậy kín.

Khi xảy ra sự cố đổ vỡ, xăng dầu sẽ theo tuyến dẫn kỹ thuật này tự chảy vào bể thu gom qua các cửa van có thể đóng mở được. Thông thường các cửa van này luôn để chế độ mở và chỉ được đóng kín lại trong trường hợp xảy ra sự cố ngay sau khi lượng nhiên liệu trong tuyến dẫn kỹ thuật đã được chảy hết.

Bể thu gom xăng dầu là một bể kín đặt ngầm dưới đất, phần dưới đáy bể được lấp cát sơ bộ ở lại phía trước cửa van. Việc tháo nước ra khỏi bồn thu hồi được thực hiện nhờ bơm hút nước hoạt động ở chế độ tự động theo hệ thống phao điều khiển mực nước bằng điện từ lắp đặt trong bể và dẫn nước đến công trình xử lý cục bộ nước mưa nhiễm dầu trước khi thải vào môi trường.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

Nguồn phát sinh nước thải nhiễm dầu:

- + Nguồn số 01: Từ quá trình vệ sinh sân bãi; lưu lượng tối đa 0,15m³/ngày;
- + Nguồn số 02: Từ nước mưa chảy tràn bề mặt nhiễm dầu, lưu lượng tối đa m³/ngày; (*phát sinh không thường xuyên, chủ yếu vào mùa mưa*).

Tổng lưu lượng tối đa phát sinh: 13,48m³/ngày

Dòng nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở được thu gom bằng bể tách dầu, nước thải đầu ra đạt QCVN 29:2010/BTMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, trước khi xả ra hệ thống cống chung của khu vực (*áp dụng đối với Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe*).

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 5.1. Thông số nước thải và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

TT	Thông số	ĐVT	Giá trị tối đa Kho xăng dầu không có dịch vụ rửa xe (Cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
3	Nhu cầu ô xy hoá học (COD)	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	30

Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- + Vị trí xả thải: Đầu ra bể tách dầu
- + Đường kính cống thoát nước thải: D = 200mm
- + Chế độ xả nước thải: không liên tục, chỉ xảy ra vào thời điểm mùa mưa.
- + Phương thức xả nước thải: theo phương thức tự chảy.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp, hoạt động phát sinh khí thải chủ yếu là các phương tiện vận chuyển. Do đó cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

Hoạt động của cơ sở phát sinh tiếng ồn do các phương tiện gây ra. Do đó cơ sở đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.

Bảng 5.2. Các chỉ tiêu đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	70

Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận khí thải:

- + Vị trí xả thải theo tọa độ: Do nguồn di động nên không xác định được tọa độ.
- + Chế độ phát sinh khí thải: Không liên tục.
- + Phương thức phát thải: Nguồn di động.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Kết quả quan trắc môi trường của cơ sở trong giai đoạn lập báo cáo được thể hiện như sau:

Bảng 5.1. Thống kê điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu	Tọa độ		Mô tả điểm quan trắc
			X	Y	
1	Điểm quan trắc 1	NM	1103176	566573	Tại vị trí tiếp nhận nước thải của cửa hàng (kênh Ông Hiễn)

Tổng số lượng mẫu quan trắc: 01 mẫu

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ. Vimcerts 019.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường trong thời điểm lập báo cáo

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	NHÓM THÔNG SỐ						
		pH	COD	TSS	Fe	NH ₄ ⁺	Dầu mỡ khoáng	Coliform
		-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L
1	NM	6,87	45	146	2,2	< 2,1	< 2,7	4,5 x 10 ²
Phân loại chất lượng nước theo QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 2		A	D	C	-	-	-	A
QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 1		-	-	-	0,5	0,3	5	-
QCVN 29:2010/BTNMT, cột B		5,5 – 9	150	120	-	-	30	-

Ghi chú:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Nhận xét:

So với QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 2 trong thời điểm lập báo cáo:

+ Có 2 thông số đạt loại A (pH, Coliform);

+ Có 1 thông số đạt loại C (TSS);

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

+ Có 1 thông số đạt loại D (COD).

Riêng chỉ tiêu Fe vượt 4,4 lần so với QCVN 08:2023, bảng 1. Chỉ tiêu NH_4^+ và dầu mỡ vẫn nằm trong giới hạn cho phép so với quy định.

Mặt khác, khi so sánh với QCVN 29:2010/BTNMT, hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều đạt so với quy định. Riêng chỉ tiêu TSS vượt nhẹ 1,21 lần.

Nhìn chung, chất lượng nước tại khu vực tiếp nhận thuộc dạng trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp và vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, chương trình quan trắc môi trường trong gian đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở**1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở như trong bảng sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở

Công trình xử lý chất thải của dự án	Kế hoạch vận hành thử nghiệm		
	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Bể tách dầu lưu lượng 1,5m ³ /giờ	Sau khi được cấp giấy phép môi trường	01 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	Đạt QCVN 29:2010/BTMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, trước khi xả ra hệ thống cống chung của khu vực

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý như trong bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải

Công trình xử lý chất thải của dự án	Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải	
	Thời gian thực hiện dự kiến lấy mẫu	Loại mẫu chất thải dự kiến lấy
Bể tách dầu lưu lượng 1,5m ³ /giờ	Trước khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm 03 ngày	Mẫu đơn nước thải

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”**

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiện quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải được thiết kế dựa trên quy định pháp luật tại Điều 21 (Khoản 1 và Khoản 5), Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như trong bảng sau:

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất (lần)	Thời gian lấy mẫu (dự kiến)	Số lượng mẫu	Thông số đo đạc, phân tích	QCVN so sánh
1	Nước thải đầu ra bể tách dầu	3	03 ngày liên tiếp trước khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm	3 mẫu đơn	pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng	QCVN 29:2010/BTMT, cột B Cột cửa hàng không có dịch vụ rửa xe

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch là Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ Vimcert số 019 hoặc đơn vị khác đáp ứng đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

TT	Công việc	Thời gian	Ghi chú	Đánh giá hiệu quả
1	Quan trắc môi trường không khí xung quanh	6 tháng/lần	Báo cáo về Phòng Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Rạch Giá bằng báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm	Trung bình
2	Nước thải nhiễm dầu sau xử lý	6 tháng/lần		
3	Giám sát CTR	Ghi chép hằng ngày		

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Giám sát môi trường không khí

Vị trí giám sát:

+ KK1: Khu vực kinh doanh

+ KK2: Khu vực công cỡ sở.

Thông số: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.

Tần suất: 06 tháng/lần.

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b. Giám sát nước nhiễm dầu sau xử lý

Vị trí giám sát:

+ NT: Dầu ra bể tách dầu

Thông số: pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng.

Tần suất: 06 tháng/lần

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu (áp dụng đối với Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

a. Giám sát môi trường không khí

Do đặc thù hoạt động kinh doanh không phát sinh khí thải công nghiệp nên chúng tôi không thực hiện quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

b. Giám sát nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục nước thải quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT .

2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Ngân sách cho quản lý môi trường được trích một phần doanh thu từ cơ sở cho các công tác bảo vệ môi trường như: Chi phí bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị xử lý nước thải, chi phí vận hành các hệ thống xử lý và các công tác khác có liên quan.

Giá trị các chỉ tiêu về phân tích môi trường được tính theo giá quy định tại QĐ số 1966/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 07 năm 2019 áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước. Kinh phí được dự trù ở đây được tính theo giá trị hiện tại và có thể

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 15”

thay đổi qua các năm tiếp theo (giá trị thay đổi có thể không lớn), cụ thể như sau:

Bảng 6.5. Chi phí thực hiện giám sát môi trường không khí xung quanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	150.000	2	300.000
2	Tiếng ồn	60.000	2	120.000
3	SO ₂	100.00	2	200.000
4	NO ₂	100.00	2	200.000
5	CO	100.000	2	200.000
TỔNG				1.020.000

Bảng 6.6. Chi phí thực hiện giám sát môi trường nước

TT	Chỉ tiêu	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	pH	40.000	1	40.000
2	TSS	70.000	1	70.000
3	COD	100.000	1	100.000
4	Dầu mỡ khoáng	400.000	1	400.000
TỔNG				610.000

Bảng 6.7. Tổng chi phí giám sát môi trường/năm

TT	Hạng mục	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi phí giám sát môi trường không khí	1.020.000
2	Chi phí giám sát môi trường nước	610.000
3	Chi phí viết báo cáo	3.000.000
4	Chi phí đi lại, in ấn	1.500.000
TỔNG		6.130.000

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cửa hàng đang trong quá trình chuẩn bị đi vào hoạt động nên chưa làm việc với các cơ quan kiểm tra, thanh tra các vấn đề về môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Cơ sở cam kết thực hiện đúng chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trên Chương VI của báo cáo, tuân thủ các quy định chung về môi trường có liên quan đến giai đoạn hoạt động của cơ sở, gồm:

Tuân thủ nghiêm túc luật pháp Việt Nam và Công ước Quốc tế về bảo vệ môi trường.

Cam kết xử lý nước thải sinh hoạt triệt để trước khi thoát vào cống thoát chung của khu vực.

Cam kết giảm thiểu khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT.

Cam kết xử lý triệt để các vấn đề liên quan đến chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

Cam kết về giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong giai đoạn từ khi cơ sở đi vào vận hành chính thức đến khi kết thúc.

Cam kết về đền bù, khắc phục ô nhiễm trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của cơ sở.

Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng quy định phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động.

Duy trì các phương pháp kiểm soát ô nhiễm như đã trình bày.

Từ việc ý thức được các tác động do ô nhiễm cũng như vai trò bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở xin cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực như đã nêu trên, cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, các quy định bảo vệ môi trường và công ước Quốc tế.